

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2991/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh
Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 32/2012/QĐ-TTg ngày 27/7/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 14/2013/TT-BTTTT ngày 21/6/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn việc lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt đề cương, nhiệm vụ và dự toán kinh phí lập Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 190/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;



Xét Tờ trình số 317/TTr-SKHĐT ngày 25/12/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, với các nội dung như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ứng dụng công nghệ mới, đồng bộ và hiện đại, phục vụ thực hiện thành công 03 khâu đột phá mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra: (1) Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và cải cách hành chính đáp ứng yêu cầu phát triển. (2) Tranh thủ mọi nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông... đồng bộ. (3) Xây dựng, phát triển huyện đảo Phú Quốc theo mô hình Đặc khu kinh tế để trở thành động lực phát triển của tỉnh.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với từng thời kỳ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thu hẹp khoảng cách phát triển viễn thông giữa các vùng miền, phục vụ hiệu quả cho công tác tìm kiếm, cứu nạn trên biển và các tình huống bão lũ.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng đồng bằng sông Cửu Long; phù hợp quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia, phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch của các ngành, lĩnh vực tại địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn mạng lưới thông tin...

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chủ yếu theo hướng dùng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng mạng lưới, đảm bảo mỹ quan đô thị, đảm bảo cảnh quan kiến trúc các công trình lịch sử, văn hóa; đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn chất lượng.

Tăng cường quản lý nhà nước về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho mọi doanh nghiệp tham gia thị trường; xây dựng phát triển hạ tầng mạng lưới. Tạo lập thị trường cạnh tranh, phát triển lành mạnh, bình đẳng. Xã hội hóa trong xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN.

1. Mục tiêu tổng quát.

Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động nhằm đảm bảo việc phát triển và khai thác hạ tầng kỹ thuật viễn thông bền vững, phục vụ quản lý, cấp

phép, khai thác có hiệu quả hạ tầng dùng chung, phục vụ chỉnh trang đô thị; hạ tầng có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, tốc độ cao, cung cấp đa dịch vụ, làm nền tảng cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, xây dựng thành phố thông minh và các dịch vụ thương mại điện tử, ngân hàng, tài chính, hải quan trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng tỉnh Kiên Giang nằm trong nhóm các tỉnh có hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phát triển tiên tiến, hiện đại của cả nước. Hầu hết, các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh được thực hiện trên môi trường thông tin điện tử hiện đại. Xây dựng được những nền tảng cơ bản để phát triển nền kinh tế tri thức.

2. Mục tiêu cụ thể.

a) Giai đoạn 2019 - 2020:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông hiện đại đảm bảo 100% khu vực đô thị có khả năng phát triển tiện ích, hiện đại theo hướng thành phố thông minh và thành phố văn minh.

- Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng rộng khắp trên địa bàn tỉnh đến các khu vực có điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khu công nghiệp, khu đô thị, khu dân cư mới, khu du lịch và di tích, đáp ứng 100% nhu cầu của người dân.

- Ngâm hóa 100% hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tại khu vực các tuyến đường mới, khu đô thị mới và khu công nghiệp xây dựng mới.

- Tỷ lệ ngâm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường đạt 10 - 15% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường nông thôn).

- Tỷ lệ ngâm hóa hạ tầng mạng cáp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, khu vực đô thị đạt 20 - 25% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp mới đạt trên 85%.

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 20 - 25%.

- Cải tạo, chuyển đổi 15 - 20% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại công kênh (A2a) sang cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và trung tâm huyện Phú Quốc.

- Hoàn thiện, cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) 100% tại khu vực, tuyến đường chính và khu vực các khu du lịch, khu di tích tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và khu vực trung tâm huyện Phú Quốc.

b) Giai đoạn 2021 - 2025:

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông hiện đại, rộng khắp, đảm bảo 100% khu vực trên địa bàn tỉnh có khả năng phát triển tiện ích hiện đại theo hướng thành phố thông minh và thành phố văn minh.

- 100% khu vực đô thị, khu vực đông dân cư, khu vực có hạ tầng kinh tế phát triển, khu công nghiệp, khu du lịch và di tích có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ theo hướng tiện ích, tự động; nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường đạt 25 - 30% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường nông thôn).

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, khu vực đô thị đạt 45 - 50% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp mới đạt trên 90%.

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 25 - 30%.

- Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 45 - 50% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan tại các khu vực, tuyến đường chính tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và trung tâm các huyện.

- Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cấp ngoại vi (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) 100% khu vực, tuyến đường chính và ở các khu du lịch, khu di tích tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và khu vực trung tâm các huyện.

c) Giai đoạn 2026 - 2030:

- 100% khu vực cấp xã, phường, thị trấn đều có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường đạt 45 - 50% (chỉ tính các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ và đường đô thị; không tính đến hệ thống đường xã, đường nông thôn).

- Tỷ lệ ngầm hóa hạ tầng mạng cấp ngoại vi viễn thông tính theo tuyến đường, khu vực đô thị đạt 75 - 80% (chỉ tính các tuyến đường nằm trong khu vực đô thị).

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột treo cáp mới đạt 100%.

- Tỷ lệ sử dụng chung hạ tầng cột ăng ten trạm thu phát sóng thông tin di động đạt 35 - 40%.

- Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 100% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hoàn thiện cải tạo hạ tầng mạng cáp ngoại vi (cáp treo trên cột điện lực, cột viễn thông) tại 100% khu vực trên phạm vi toàn tỉnh.

III. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG ĐẾN NĂM 2020.

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ.

- Duy trì các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ theo hiện trạng, nâng cấp các thiết bị viễn thông tại các điểm giao dịch này.

- Phát triển mới điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển, khu vực trung tâm các huyện, thành phố; khu công nghiệp, cụm công nghiệp... khu vực có lượng khách hàng lớn, nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người sử dụng.

- Đến năm 2020, quy hoạch phát triển mới 57 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ trên toàn tỉnh, gồm: Thành phố Rạch Giá (8 điểm), thành phố Hà Tiên (9 điểm), huyện An Biên (4 điểm), huyện An Minh (2 điểm), huyện Châu Thành (3 điểm), huyện Giồng Riềng (2 điểm), huyện Giang Thành (2 điểm), huyện Gò Quao (2 điểm), huyện Hòn Đất (4 điểm), huyện U Minh Thượng (2 điểm), huyện Kiên Lương (5 điểm), huyện Tân Hiệp (3 điểm), huyện Vĩnh Thuận (3 điểm), huyện Kiên Hải (3 điểm), huyện Phú Quốc (5 điểm).

b) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ

- Quy hoạch xây dựng, lắp đặt trạm Thông tin đa năng (mô hình mới thay thế cho Trạm điện thoại dùng thẻ trước đây): Là điểm cung cấp Wifi miễn phí, đồng thời cung cấp các thông tin kinh tế, chính trị, xã hội.

- Đến năm 2020, quy hoạch phát triển mới 40 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ, gồm: Thành phố Rạch Giá (26 điểm), thành phố Hà Tiên (8 điểm), huyện Phú Quốc (6 điểm).

2. Cột ăng ten.

a) Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động.

- Cột ăng ten không công kênh loại A1 (A1a, A1b): Quy hoạch phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và huyện Phú Quốc. Cụ thể: Quy hoạch 21 khu vực, tuyến đường chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A1 bao gồm: Thành phố Rạch Giá (12 khu vực, tuyến đường), thành phố Hà Tiên (7 khu vực, tuyến đường), huyện Phú Quốc (2 khu vực, tuyến đường).

- Cột ăng ten công kênh loại A2 (A2a, A2b): Quy hoạch phát triển mới cột ăng ten loại A2 tại các khu vực: Nông thôn (khu vực địa bàn các xã), khu vực gần biển, khu vực biên giới, những địa điểm có điều kiện sử dụng tài nguyên đất, những khu vực cần tăng tầm phủ sóng, không thuộc khu vực lắp đặt cột ăng ten loại A1 (A1a, A1b). Cụ thể: Quy hoạch 145 khu vực, tuyến đường được phép lắp đặt cột ăng ten A2 bao gồm: Thành phố Rạch Giá (12 khu vực, tuyến đường), thành phố Hà Tiên (7 khu vực, tuyến đường), huyện An Biên (9 khu vực, tuyến đường), huyện An Minh (11 khu vực, tuyến đường), huyện Châu Thành (10 khu vực, tuyến đường), huyện Giồng Riềng (19 khu vực, tuyến đường), huyện Giang Thành (5 khu vực, tuyến đường), huyện Gò Quao (11 khu vực, tuyến đường), huyện Hòn Đất (14 khu vực, tuyến đường), huyện U Minh Thượng (6 khu vực, tuyến đường), huyện Kiên Lương (8 khu vực, tuyến đường), huyện Tân Hiệp (11 khu vực, tuyến đường), huyện Vĩnh Thuận (8 khu vực, tuyến đường), huyện Kiên Hải (4 khu vực, tuyến đường), huyện Phú Quốc (10 khu vực, tuyến đường).

- Thực hiện cải tạo, chuyển đổi 15 - 20% hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động cột ăng ten loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và trung tâm huyện Phú Quốc.

b) Cột ăng ten thu phát sóng phát thanh truyền hình.

- Các xã đảo, biên giới trên địa bàn tỉnh được trang bị trạm truyền thanh, vị trí đặt cột ăng ten trạm truyền thanh tại khuôn viên Ủy ban nhân dân xã.

3. Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Khu vực treo cáp trên cột viễn thông: Ngoài những khu vực quy hoạch ngầm hóa mạng ngoại vi thuộc các phường trong thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và các thị trấn trên địa bàn tỉnh; các tuyến đường nhánh thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên; khu vực hệ thống cột điện lực không đủ điều kiện để các doanh nghiệp viễn thông sử dụng chung hạ tầng hoặc khu vực không có hệ thống cột điện lực; khu vực, tuyến, hướng có địa hình khó khăn, không thể triển khai ngầm hóa.

- Khu vực treo cáp trên cột điện: Khu vực không còn khả năng đi ngầm cáp trong các công trình ngầm tại khu vực đô thị; khu vực không thể xây dựng tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại khu vực đô thị; khu vực chưa thể xây dựng hạ tầng công, bề để hạ ngầm cáp viễn thông; khu vực có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấp: Khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa...

- Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm:

+ Triển khai xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ưu tiên các khu vực sau: Khu vực trung tâm hành chính (Ủy ban nhân dân cấp huyện; khu vực các sở, ban, ngành); khu du lịch, khu di tích, khu vực có yêu cầu cao về mỹ

quan; các tuyến đường chính khu vực thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên, huyện Phú Quốc; khu vực các tuyến đường trục qua trung tâm huyện; khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu đô thị, khu dân cư mới; khu vực các tuyến đường xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ lụt.

+ Xây dựng hệ thống công trình ngầm tại 134 khu vực, tuyến đường trên toàn tỉnh với tổng chiều dài khoảng 229,6 km ngầm hóa.

+ Hoàn thiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống cấp viễn thông, cáp truyền hình tại khu vực các tuyến đường chính, khu du lịch, khu di tích tại khu vực thành phố và trung tâm huyện Phú Quốc.

IV. QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG ĐẾN NĂM 2025.

1. Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng.

a) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ.

- Phát triển mới điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ tại các khu vực có định hướng phát triển kinh tế - xã hội, khu vực mở rộng đô thị, khu vực có định hướng phát triển lên đô thị, đặc khu kinh tế đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân.

- Kết hợp phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ với điểm Bru điện - Văn hóa xã, nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo cung cấp thông tin cộng đồng, phục vụ xây dựng nông thôn mới, phục vụ hành chính công.

- Đến năm 2025, quy hoạch phát triển mới 70 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ trên toàn tỉnh, gồm: Thành phố Rạch Giá (9 điểm), thành phố Hà Tiên (6 điểm), huyện An Biên (4 điểm), huyện An Minh (3 điểm), huyện Châu Thành (4 điểm), huyện Giồng Riềng (3 điểm), huyện Giang Thành (3 điểm), huyện Gò Quao (3 điểm), huyện Hòn Đất (5 điểm), huyện U Minh Thượng (3 điểm), huyện Kiên Lương (4 điểm), huyện Tân Hiệp (4 điểm), huyện Vĩnh Thuận (4 điểm), huyện Kiên Hải (3 điểm), huyện Phú Quốc (12 điểm).

b) Điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ.

- Hoàn thiện xây dựng, lắp đặt trạm Thông tin đa năng (mô hình mới thay thế cho Trạm điện thoại dùng thẻ trước đây) trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đến năm 2025, quy hoạch phát triển mới 112 điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng không có người phục vụ, gồm: Thành phố Rạch Giá (30 điểm), thành phố Hà Tiên (22 điểm), huyện An Biên (2 điểm), huyện An Minh (2 điểm), huyện Châu Thành (2 điểm), huyện Giồng Riềng (2 điểm), huyện Giang Thành (2 điểm), huyện Gò Quao (2 điểm), huyện Hòn Đất (4 điểm), huyện U Minh Thượng (2 điểm), huyện Kiên Lương (3 điểm), huyện Tân Hiệp (2 điểm), huyện Vĩnh Thuận (2 điểm), huyện Kiên Hải (2 điểm), huyện Phú Quốc (33 điểm).

2. Cột ăng ten.

a) Cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động.

- Cột ăng ten không công kênh loại A1 (A1a, A1b): Quy hoạch phát triển hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động tại khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan trên phạm vi toàn tỉnh. Cụ thể: Quy hoạch bổ sung 52 khu vực, tuyến đường chỉ được phép lắp đặt cột ăng ten A1 bao gồm: Thành phố Rạch Giá (15 khu vực, tuyến đường), thành phố Hà Tiên (9 khu vực, tuyến đường), huyện An Biên (2 khu vực, tuyến đường), huyện An Minh (2 khu vực, tuyến đường), huyện Châu Thành (3 khu vực, tuyến đường), huyện Giồng Riềng (2 khu vực, tuyến đường), huyện Giang Thành (1 khu vực, tuyến đường), huyện Gò Quao (1 khu vực, tuyến đường), huyện Hòn Đất (3 khu vực, tuyến đường), huyện U Minh Thượng (1 khu vực, tuyến đường), huyện Kiên Lương (2 khu vực, tuyến đường), huyện Tân Hiệp (2 khu vực, tuyến đường), huyện Vĩnh Thuận (2 khu vực, tuyến đường), huyện Kiên Hải (1 khu vực, tuyến đường), huyện Phú Quốc (6 khu vực, tuyến đường).

- Cột ăng ten công kênh loại A2 (A2a, A2b): Tiếp tục hoàn thiện Quy hoạch phát triển mới cột ăng ten loại A2 tại 145 khu vực, tuyến đường được quy định tại Khoản a, Điều 2, Mục III.

- Cải tạo, chuyển đổi 45 - 50 % hệ thống cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động loại công kênh (A2a) sang loại cột ăng ten không công kênh (A1) theo hướng thân thiện môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị tại các khu vực, tuyến đường chính tại thành phố Rạch Giá, thành phố Hà Tiên và trung tâm các huyện.

b) Cột ăng ten thu phát sóng phát thanh truyền hình.

Hoàn thiện hạ tầng truyền dẫn phát sóng số, đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, thống nhất về tiêu chuẩn và công nghệ, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên tần số trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

3. Cột treo cáp, công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm.

- Khu vực treo cáp trên cột viễn thông: Định hướng quy hoạch khu vực, tuyến đường, hướng được treo cáp trên cột viễn thông theo quy định tại Điều 3, Mục III.

- Khu vực treo cáp trên cột điện: Định hướng quy hoạch khu vực, tuyến đường, hướng được treo cáp trên cột điện theo quy định tại Điều 3, Mục III.

- Quy hoạch khu vực, tuyến, hướng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm:

+ Mở rộng khu vực, tuyến, hướng xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm ưu tiên các khu vực có yêu cầu mỹ quan cao trên phạm vi toàn tỉnh.

+ Xây dựng hệ thống công trình ngầm tại 230 khu vực, tuyến đường trên toàn tỉnh với tổng chiều dài khoảng 420,5 km ngầm hóa.

+ Hoàn thiện cải tạo, chỉnh trang hệ thống cáp viễn thông, cáp truyền hình tại các tuyến đường chính và khu du lịch, khu di tích trên phạm vi toàn tỉnh.

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KỸ THUẬT VIỄN THÔNG THỤ ĐỘNG ĐẾN NĂM 2030.

- Phát triển điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng có người phục vụ rộng khắp trên địa bàn tỉnh; đa dạng hóa và nâng cao các loại hình dịch vụ, phổ cập dịch vụ đến mọi người dân.

- Phát triển hạ tầng cột ăng ten theo hướng sử dụng chung hạ tầng trên cơ sở giảm số lượng cột ăng ten công kênh, tăng cường sử dụng cột ăng ten không công kênh (cột ăng ten ngụy trang, cột ăng ten thân thiện môi trường), ưu tiên tại các khu vực đô thị, khu vực yêu cầu mỹ quan cao. Xây dựng hạ tầng cột ăng ten hoàn thiện, đủ khả năng nâng cấp, phát triển công nghệ thông tin di động thế hệ mới.

- Xây dựng, phát triển công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi diện rộng trên địa bàn tỉnh, đảm bảo mỹ quan đô thị. Phát triển mạnh công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm liên ngành sử dụng chung: Doanh nghiệp viễn thông phối hợp với các ngành liên quan (giao thông, điện, cấp thoát nước...) cùng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm và sử dụng chung.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH.

Tổng nguồn vốn thực hiện Quy hoạch là **3.236,01** tỷ đồng, chi tiết như sau:

1. Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp chủ yếu tập trung đầu tư phát triển các điểm phục vụ viễn thông, cải tạo cột ăng ten, chỉnh trang mạng cáp treo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông, xây dựng hạ tầng cột treo cáp. Tổng nguồn vốn doanh nghiệp giai đoạn 2019 - 2030 là **3.080,01** tỷ đồng.

2. Nguồn vốn ngân sách nhà nước (ngân sách tỉnh) chủ yếu đầu tư phục vụ nâng cao năng lực quản lý nhà nước để quản lý, thực hiện quy hoạch. Tổng nguồn vốn nhà nước (ngân sách tỉnh) giai đoạn 2019 - 2030 là **16** tỷ đồng.

3. Nguồn vốn ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương) chủ yếu đầu tư phục vụ công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia. Tổng nguồn vốn nhà nước (ngân sách Trung ương) giai đoạn 2019 - 2030 là **140** tỷ đồng.

(Đính kèm Phụ lục kinh phí thực hiện quy hoạch)

VII. GIẢI PHÁP VỀ THỰC HIỆN QUY HOẠCH.

1. Giải pháp về quản lý nhà nước.

a) Tuyên truyền.

- Tuyên truyền phổ biến các quy định, chính sách về phát triển viễn thông nói chung và phát triển hạ tầng mạng viễn thông nói riêng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng, khai thác hiệu quả hạ tầng kỹ thuật viễn thông phòng ngừa thiên tai. Nâng cao ý thức của người dân đối với trách nhiệm thông báo thông tin phục vụ cho công tác tìm kiếm cứu nạn.

- Biên tập, xây dựng các chương trình, tài liệu; phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến thông tin; cung cấp đầy đủ và khách quan thông tin về an toàn bức xạ vô tuyến điện đối với môi trường và sức khỏe cộng đồng; các quy định về xây dựng, lắp đặt các cột ăng ten thu phát sóng thông tin di động để người dân an tâm, đồng thuận, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai xây dựng các cột ăng ten thu phát sóng.

b) Giải pháp về cơ chế chính sách.

- Cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện tốt quy hoạch, đầu tư, phát triển viễn thông hiệu quả, bền vững.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông theo hình thức xã hội hóa.

- Tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích doanh nghiệp xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động (cấp phép xây dựng, thủ tục...).

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hạ tầng kỹ thuật viễn thông cấp huyện, thành phố (cán bộ quản lý chuyên trách).

- Định hướng doanh nghiệp phát triển mạng lưới theo hoạch định; đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện phát triển hạ tầng đồng bộ với phát triển hạ tầng kinh tế xã hội của tỉnh.

c) Thanh tra, kiểm tra.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra các hoạt động xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tại địa phương. Xử lý đối với các doanh nghiệp vi phạm quy hoạch theo quy định của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong viễn thông.

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động dựa trên bản đồ số; hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành viễn thông (đặc biệt là cơ sở dữ liệu về các tuyến cáp ngầm nhằm tăng cường mức độ sử dụng chung cơ sở hạ tầng đối với các doanh nghiệp viễn thông).



2. Giải pháp phát triển hạ tầng.

Doanh nghiệp phối hợp thực hiện phát triển cơ sở hạ tầng dùng chung thông qua Sở Thông tin và Truyền thông.

a) Hạ tầng xây dựng mới.

Đối với khu vực các tuyến đường, khu công nghiệp xây dựng mới, các khu chung cư, khu đô thị mới... triển khai xây dựng hạ tầng theo một trong các hình thức sau:

- Nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động ở những khu vực Nhà nước triển khai dự án đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng, sau đó cho các doanh nghiệp khác thuê lại hạ tầng.

- Hình thành doanh nghiệp độc lập thực hiện đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, sau đó cho các doanh nghiệp khác thuê lại hạ tầng (xã hội hóa).

- Doanh nghiệp cùng phối hợp đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng theo tỷ lệ nguồn vốn đóng góp hoặc theo thỏa thuận.

- Việc phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động chủ yếu theo hướng dùng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp, tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, bảo đảm mỹ quan đô thị, các doanh nghiệp cùng đầu tư một lần và sử dụng chung cơ sở hạ tầng.

b) Hạ tầng hiện trạng (đã có công trình hạ tầng).

Hạ tầng mạng cáp:

- Đối với khu vực các tuyến đường đã có hạ tầng cống, bể:

+ Trong trường hợp hạ tầng cống, bể vẫn còn khả năng lắp đặt thêm cáp viễn thông; khi triển khai ngầm hóa các tuyến cáp treo tại khu vực này bắt buộc các doanh nghiệp phối hợp dùng chung hạ tầng với doanh nghiệp sở hữu hạ tầng cống, bể.

+ Trong trường hợp dung lượng lắp đặt của hệ thống cống, bể đã sử dụng hết, có thể sử dụng một số giải pháp kỹ thuật (giải pháp Maxcell...) để tăng dung lượng cáp của hệ thống cống, bể hiện hữu hoặc triển khai cải tạo nâng cấp dung lượng hệ thống cống, bể.

- Đối với khu vực các tuyến đường chưa có hạ tầng cống, bể:

+ Khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan: Từng bước xây dựng hạ tầng cống, bể, ngầm hóa mạng cáp ngoại vi.

+ Khu vực nông thôn: Cải tạo, bó gọn hệ thống cáp ngoại vi.

Hạ tầng cột ăng ten thu phát sóng:

- Khu vực đô thị, khu vực yêu cầu cao về mỹ quan:



+ Từng bước triển khai cải tạo, chuyển đổi cột ăng ten công kênh (A2) sang cột ăng ten không công kênh (A1).

+ Đối với một số trường hợp đặc biệt (trung tâm viễn thông, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình...) cho phép doanh nghiệp duy trì độ cao hiện trạng, đảm bảo chất lượng dịch vụ cung cấp.

Đối với hạ tầng công, bề cấp trong các trường hợp cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây mới cần thiết phải có sự phù hợp với từng vị trí, từng tuyến đường, từng khu vực đảm bảo việc phát triển hạ tầng phù hợp và có tính đến yếu tố duy tu, sửa chữa và nâng cấp một cách dễ dàng, thời gian thi công nhanh, ít ảnh hưởng đến cộng đồng. Hạ tầng công, bề cấp có thể xây dựng dưới dạng hầm hào kỹ thuật hoặc chôn cáp trực tiếp.

3. Giải pháp thực hiện đồng bộ quy hoạch.

- Tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương đặc biệt là ngành giao thông, xây dựng, thông tin và truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông nhằm đồng bộ trong quá trình xây dựng các công trình viễn thông liên quan, giảm thiểu chi phí đầu tư.

- Tổ chức phối hợp thực hiện xây dựng công trình viễn thông cùng quá trình xây dựng các công trình hạ tầng có liên quan, đặc biệt công trình ngầm đô thị, cải tạo, mở rộng đường, vỉa hè.

- Nghiên cứu các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chuyên ngành và các văn bản chỉ đạo của cấp có thẩm quyền trong quá trình triển khai để đảm bảo sự đồng bộ trong quy hoạch.

- Các ngành, địa phương thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông và các doanh nghiệp viễn thông về kế hoạch và tiến độ xây dựng hạ tầng của tỉnh. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp, chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông triển khai thực hiện đồng bộ quá trình xây dựng các công trình liên quan (giao thông, đô thị, xây dựng các công trình ngầm, cột treo cáp...).

- Các doanh nghiệp viễn thông xây dựng hạ tầng cùng với quá trình xây dựng các công trình khác.

- Các doanh nghiệp viễn thông không tham gia đầu tư sẽ kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động và được ưu đãi cho thuê hạ tầng.

4. Giải pháp về huy động vốn đầu tư.

- Nguồn lực đầu tư: Đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, trọng tâm là các doanh nghiệp viễn thông, doanh nghiệp xây dựng hạ tầng, nguồn đầu tư nước ngoài (gắn kết hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng giao thông); kết hợp với việc ban hành các văn bản về giá và ưu đãi đầu tư công khai, minh bạch để các nguồn lực yên tâm khi thực hiện đầu tư. Thực hiện xã hội hóa một số lĩnh vực

khuyến khích phát triển hạ tầng theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm, sau đó cho doanh nghiệp thuê lại.

- Hình thức đầu tư: Ngoài các hình thức đầu tư truyền thống từ vốn huy động trong nước (các doanh nghiệp viễn thông, các doanh nghiệp xây dựng), vốn huy động nước ngoài (vay quốc tế, phát hành trái phiếu, đầu tư trực tiếp nước ngoài) cần gắn kết hạ tầng kỹ thuật viễn thông với hạ tầng giao thông, xây dựng nhằm thu hút nguồn lực đầu tư thông qua hình thức đối tác công tư (PPP).

- Cơ chế huy động vốn đầu tư:

+ Các doanh nghiệp viễn thông phối hợp với các đơn vị sở, ngành, địa phương liên quan để lồng ghép, kết hợp thực hiện các dự án khác có cùng mục tiêu, nhiệm vụ và địa điểm để tránh trùng lặp gây lãng phí về nhân lực và tài chính; đặc biệt, các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật viễn thông cần thực hiện đồng bộ với quá trình đầu tư các hạ tầng kinh tế xã hội khác để phát huy hết hiệu quả.

+ Huy động nguồn vốn đầu tư theo hình thức xã hội hóa, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng hạ tầng các trạm thu phát sóng thông tin di động, hệ thống hạ tầng kỹ thuật mạng ngoại vi viễn thông và cho các doanh nghiệp viễn thông thuê lại hạ tầng.

+ Huy động nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại các khu vực có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, nhu cầu sử dụng dịch vụ còn thấp; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn tỉnh.

- Đối với dự án số hóa truyền dẫn phát sóng phát thanh truyền hình, cần tận dụng nguồn vốn từ quỹ số hóa quốc gia, hỗ trợ thiết bị đầu cuối cho người dân.

5. Giải pháp về khoa học và công nghệ.

- Ứng dụng công nghệ viễn thông đi đôi với sử dụng hiệu quả hạ tầng: Công nghệ vô tuyến băng rộng, công nghệ truyền dẫn cáp quang (thay thế cáp đồng), cáp ngầm... Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng trạm thu phát sóng ứng dụng công nghệ xanh, thân thiện môi trường, trạm ngụy trang, trạm sử dụng chung cơ sở hạ tầng, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Ứng dụng các kỹ thuật, công nghệ mới trong triển khai ngầm hóa hạ tầng mạng ngoại vi: Kỹ thuật khoan ngầm, khoan định hướng...

- Sử dụng các trang, thiết bị kỹ thuật hiện đại, các công nghệ mới (như RFID...) để tăng cường đo kiểm, giám sát, quản lý từ xa đối với hệ thống thiết bị và hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, phát triển hạ tầng mạng viễn thông: Quản lý dựa trên bản đồ số; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu điện tử; phần mềm quản lý hạ tầng mạng viễn thông.

- Phát triển công nghệ mới phù hợp với hiện trạng cơ sở hạ tầng, công nghệ hiện tại ở Việt Nam, đảm bảo khả năng nâng cấp, phát triển và kết nối với các nước trên thế giới.

6. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách trong quản lý nhà nước về lĩnh vực viễn thông. Đồng thời, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về lĩnh vực viễn thông, đặc biệt là cán bộ đầu ngành, trình độ chuyên môn sâu.

- Triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng, quản lý và giám sát các dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông cho cán bộ chuyên trách. Có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập thường xuyên cho cán bộ quản lý chuyên trách các kiến thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin để có thể thực hiện các quy trình tin học hóa về nghiệp vụ và tác nghiệp. Đồng thời, tiến hành đào tạo, tập huấn cho các cán bộ tuyển dụng mới về kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống hạ tầng, đặc biệt là các hệ thống dùng chung; tổ chức các đợt sát hạch để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hiệu quả.

- Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet.

7. Giải pháp về sử dụng đất.

- Các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng trên địa bàn tỉnh được quy hoạch từ nay đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 chủ yếu là các trạm thông tin đa năng không có người phục vụ, được bố trí tại các điểm công cộng như: Sân bay, trường học, bệnh viện, siêu thị, trung tâm thương mại, các khu công nghiệp, các khu đô thị mới... Khi quy hoạch các công trình này cần thiết phải dành quỹ đất để bố trí các điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng và là một phần của các công trình trên.

- Phát triển cột ăng ten trên địa bàn tỉnh theo hướng chuyển đổi các cột ăng ten công kênh thành các cột ăng ten không công kênh thân thiện môi trường và được bố trí trong các công viên, hành lang các tuyến đường giao thông, tại các khu đô thị mới, các khu công nghiệp. Vì vậy, khi quy hoạch công viên, các tuyến đường giao thông và các khu đô thị mới cần thiết dành quỹ đất để lắp đặt các trạm ăng ten. Ngoài ra, sẽ bố trí các loại ăng ten thế hệ mới trên các cột điện chiếu sáng dọc theo các tuyến đường giao thông, đèn chiếu sáng tại các công viên, các công trình công cộng. Đối với các ăng ten thuộc loại này sẽ không cần bố trí quỹ đất riêng.

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm viễn thông được triển khai đồng bộ với ngầm hóa lưới điện và các ngành khác nên không phát sinh nhu cầu đất mà chủ yếu chia sẻ, dùng chung quỹ đất đối với các công trình này.

8. Giải pháp về ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

- Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải bảo đảm an toàn, mỹ quan và tuân thủ các yêu cầu về thiết kế, xây dựng công trình và các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan.

- Việc thiết kế kết cấu và thiết kế thi công hạ tầng kỹ thuật viễn thông phải căn cứ vào điều kiện cụ thể của công trình, điều kiện tự nhiên, khí hậu của khu vực lắp đặt để đảm bảo khả năng chịu lực, an toàn và ổn định công trình.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác bảo trì hạ tầng kỹ thuật viễn thông theo quy định.

- Xây dựng các phương án phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông từng phần trong các thời kỳ hay giai đoạn ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

9. Giải pháp về an toàn, an ninh thông tin, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Phối hợp giữa các cấp, các ngành trong quy hoạch, xây dựng và bảo vệ hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động. Phân công trách nhiệm trong quản lý, khai thác, đảm bảo an ninh mạng, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

- Phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ của công an, quân đội tiến hành ngăn chặn và ngừng cung cấp dịch vụ đối với những trường hợp sử dụng dịch vụ viễn thông và Internet xâm phạm an ninh quốc phòng.

- Nghiên cứu giải pháp kỹ thuật đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trên mạng viễn thông và Internet.

- Doanh nghiệp viễn thông xây dựng các phương án hoạt động dự phòng, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi xảy ra thiên tai, sự cố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Thông tin và Truyền thông.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch. Căn cứ vào tình hình thực tế phát triển kinh tế - xã hội, công nghệ, hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh các kế hoạch, giải pháp thực hiện Quy hoạch. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, cập nhật Quy hoạch cho phù hợp.

- Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn lập quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất các danh mục dự án liên quan.

- Quản lý và cập nhật quá trình thực hiện quy hoạch.
- Đầu mối phối hợp, giải quyết khó khăn vướng mắc trong quá trình đầu tư và sử dụng chung cơ sở hạ tầng giữa các doanh nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện: Công bố quy hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, trong đó có danh mục các tuyến hạ tầng kỹ thuật dùng chung; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về quản lý, sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, các quy chế phối hợp xây dựng hạ tầng với các ngành điện, cấp nước, thoát nước; chỉ đạo việc ngầm hóa mạng cáp ngoại vi và sử dụng chung các công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, điện lực, giao thông theo quy định...

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc thực hiện thủ tục cấp phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn.

- Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định hoặc theo đề nghị của bên thuê và bên cho thuê; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính cân đối, lồng ghép các nguồn vốn có liên quan để thực hiện các chương trình các dự án liên quan đến quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động; tổ chức triển khai các biện pháp nhằm tập trung các nguồn lực, thu hút đầu tư mạnh mẽ trong và ngoài nước để đầu tư hạ tầng viễn thông thụ động.

3. Sở Tài chính.

- Chủ trì tiếp nhận văn bản thông báo đăng ký giá thuê của tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung tại đô thị trong phạm vi địa phương; chủ trì, phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành xem xét, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của thông báo đăng ký giá thuê.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo thẩm quyền; kiểm tra tình hình thực hiện các quy định về quản lý giá tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT và các văn bản pháp luật có liên quan theo đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 210/2013/TTLT-BTC-BXD-BTTTT.

4. Sở Giao thông vận tải.

- Khi lập dự án đầu tư hạ tầng giao thông, phải tính toán, lồng ghép với hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan theo quy hoạch được duyệt trên cơ sở ý kiến đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Công bố theo quy định các quy hoạch phát triển giao thông vận tải trên địa bàn tỉnh trong từng giai đoạn, làm cơ sở cho các doanh nghiệp viễn thông xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ.



- Khi triển khai cải tạo, nâng cấp các tuyến đường phải thông báo cho các doanh nghiệp viễn thông có liên quan, để các doanh nghiệp viễn thông thực hiện di dời, cải tạo hạ tầng đồng bộ.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch giao thông chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 của địa phương.

5. Sở Xây dựng.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn trên cơ sở Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động phù hợp với quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan đô thị của tỉnh.

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác (điện, cấp nước, thoát nước...).

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức hiệp thương giá theo quy định hoặc theo đề nghị của các bên thuê và cho thuê.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, thực hiện và giải quyết các vấn đề về sử dụng đất xây dựng hạ tầng viễn thông thụ động.

7. Sở, ban, ngành khác.

Các sở, ban, ngành khác phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện Quy hoạch theo chức năng nhiệm vụ được giao.

8. Công ty Điện lực Kiên Giang.

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các doanh nghiệp viễn thông xây dựng các chương trình, đề án, quy định ngầm hóa mạng ngoại vi phù hợp với quy hoạch của từng thời kỳ.

9. Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan trong việc cấp giấy phép xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trên địa bàn trên cơ sở Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, phù hợp với quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan đô thị của địa phương. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp triển khai xây dựng phát triển hạ tầng mạng viễn thông tại địa bàn quản lý.

- Hướng dẫn, tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị phải lồng ghép nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đồng bộ với các quy hoạch hạ tầng kỹ thuật khác (điện, cấp nước, thoát nước...).

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đưa các nội dung quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động có liên quan vào quy hoạch xây dựng trên địa bàn cấp huyện chi tiết tỷ lệ 1/2.000, 1/500 của địa phương.

10. Ủy ban nhân dân cấp xã.

Phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông và các đơn vị liên quan hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn trong việc xây dựng và quản lý phát triển hạ tầng mạng viễn thông trên địa bàn.

11. Các doanh nghiệp viễn thông.

- Căn cứ vào quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, hiện trạng và kế hoạch phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của đơn vị, các doanh nghiệp viễn thông xây dựng quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động trình Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Định kỳ báo cáo việc thực hiện Quy hoạch và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, các đơn vị có liên quan và các doanh nghiệp khác, đàm phán cùng đầu tư xây dựng và sử dụng chung cơ sở hạ tầng; chủ động phản ánh các vướng mắc, khó khăn, kiến nghị, đề xuất giải quyết hoặc hỗ trợ tháo gỡ.

- Trực tiếp hoặc phối hợp với chủ đầu tư gửi văn bản thông báo ngày khởi công xây dựng cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Xây dựng và Sở Thông tin và Truyền thông trên địa bàn xây dựng trong thời hạn 07 ngày làm việc trước khi khởi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại Khoản 2, Điều 5, Thông tư liên tịch số 15/2016/TTLT-BTTTT-BXD ngày 22/6/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý việc xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Giám đốc Công ty Điện lực Kiên Giang; (Thủ trưởng) các doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./Vg

Nơi nhận:

- Như Điều 3 của QĐ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT.TU, TT. HĐND tỉnh;
- TT. UBMTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT. UBND tỉnh;
- Sở: TTTT (05b), KHĐT (02b);
- UBND các huyện, thành phố;
- Website Kiên Giang;
- Trung tâm THCB;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, ltram (01b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đỗ Thanh Bình

KIÊN GIANG

PHỤ LỤC
KINH PHÍ THỰC HIỆN QUY HOẠCH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2991/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Dự án đầu tư	Nguồn vốn giai đoạn 2019 - 2020			Nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025			Nguồn vốn giai đoạn 2026 - 2030			Tổng nguồn vốn giai đoạn 2019 - 2030
		Doanh nghiệp, xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Doanh nghiệp, xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	Doanh nghiệp, xã hội hóa	Ngân sách tỉnh	Ngân sách TW	
1	Công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia	0,0	0,0	40,0	0,0	0,0	50,0	0,0	0,0	50,0	140,0
2	Phát triển mới điểm Đ1	45,60	0,0	0,0	56,0	0,0	0,0	100,0	0,0	0,0	201,6
3	Phát triển mới điểm Đ2	4,0	0,0	0,0	11,20	0,0	0,0	10,30	0,0	0,0	25,50
4	Cài tạo cột ăng ten	1,25	0,0	0,0	2,50	0,0	0,0	5,0	0,0	0,0	8,75
5	Xây dựng hạ tầng cột ăng ten	457,50	0,0	0,0	499,50	0,0	0,0	750,00	0,0	0,0	1.707,00
6	Chỉnh trang mạng cáp treo	15,0	0,0	0,0	25,0	0,0	0,0	25,0	0,0	0,0	65,0
7	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngầm lắp đặt cáp viễn thông	183,68	0,0	0,0	336,40	0,0	0,0	520,08	0,0	0,0	1.040,16
8	Xây dựng hạ tầng cột treo cáp	8,0	0,0	0,0	12,0	0,0	0,0	12,0	0,0	0,0	32,0
9	Nâng cao năng lực quản lý nhà nước để quản lý, thực hiện quy hoạch	0,0	4,0	0,0	0,0	6,0	0,0	0,0	6,0	0,0	16,0
Tổng cộng		715,03	4,00	40,0	942,60	6,0	50,0	1.422,38	6,0	50,0	3.236,01